

Bản án số: **148/2018/HS-PT**

Ngày: 19-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Ngọc Hà

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 145/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thành N và Hồ Tô R do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/5/1993; Giới tính: Nam; Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 50, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: K52/14 đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; số chứng minh nhân dân 2016897XX do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2013; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn T và bà Phạm Thị M; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01 /2011 bị Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*". Bị cáo bị bắt giam ngày 27/12/2016, có mặt

2. Hồ Tô R, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1994; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 55, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; số chứng minh nhân dân 2016879XX do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2011; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Hồ Văn H và bà Trà Thị L; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 16/01/2017 bị Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành Chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt giam ngày 27/12/2016, có mặt.

3. Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/7/1994; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: K52/14 P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên thẩm mỹ viện; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn K và bà Dương Thị Th; Tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân: Ngày 16/01/2017 bị Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt giam ngày 27/12/2016. Vắng mặt.

** Người bào chữa:*

- Ông Võ Văn Đ - Luật sư VPLS T, thuộc đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N theo yêu cầu của bị cáo và gia đình bị cáo, có mặt.

- Ông Chế Giang S - Luật sư VPLS N thuộc đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Hồ Tô R theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22 giờ 30, ngày 26 tháng 12 năm 2016, tại trước khu vực số nhà 566 đường Hoàng Diệu, thành phố Đà Nẵng, **Nguyễn Thành N** đang có hành vi bán 01 gói ma túy “cỏ” cho **Trương Anh T** thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ của Nguyễn Thành N:

- Tại túi quần trước bên phải của N 01 (một) gói nvlon vắ trong cốp dưới yên xe mô tô gắn biển số: 76K3-78XX mà N đang sử dụng 01 (một) gói nylon đều có kích thước khoảng (10 X 08) cm, một mặt bên ngoài có dòng chữ “number 333” Made “in Singapo”- “Fruit Tobacco”, một mặt còn lại có một số dòng chữ, bên trong có loại lá cây khô. Theo N khai nhận: Đó là ma túy, tên thường gọi là “cỏ”.

(Ký hiệu A)

- 01 (một) CMND, số 2016897XX mang tên Nguyễn Thành N
- 01 (một) ĐTDĐ hiệu NOKIA màu đen, có số sim: 01223762487, số imel: 354309042828548.
- Số tiền: 10.650.000 đồng (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Air Blade - Honda, màu Đen - Bạc gắn biển

số: 76K3 – 78XX.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 003889, tên Dương Thị Th; SN 1971.

Lúc 02 giờ 00 ngày 27/12/2016, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Nguyễn Thành N** và **Nguyễn Thị Tường V** tại K52/14 đường P, thuộc tổ 44, p. T, Q. T, TP. Đà Nẵng, thu giữ:

- 04 (bốn) gói nylon có kích thước khoảng (10 X 08) cm, có dòng chữ “number 333” - “Fruit Tobacco”, bên trong có loại lá cây khô. N khai nhận là ma túy, tên thường gọi là “Cỏ”. **(Ký hiệu B1).**

- 01 (một) gói nylon màu trắng, kích thước khoảng (03 X 06) cm, bên trong chứa 10 (mười) viên nén màu tím. **(Ký hiệu R2a).**

- 01 (một) gói nylon màu trắng, kích thước khoảng (06 X 06) cm, bên trong chứa **45** (bốn mươi lăm) viên nén màu hồng. **(Ký hiệu B2b).**

- 10 (mười) bao nilon chưa qua sử dụng.

Lúc 08 giờ 10 ngày 27/12/2016, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của **Nguyễn Thành N** tại: Tổ 50, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, thu giữ gồm:

- 01 (một) gói nylon, bên trong chứa 100 (*một trăm*) viên nén màu xanh, một mặt có chữ VL và một mặt có gạch ngang. **(Ký hiệu C1).**

- 02 (hai) gói nylon, bên trong chứa các viên nén màu hồng, một mặt có chữ cái VL và một mặt có gạch ngang, trong đó một gói chứa 60 (*sáu mươi*) viên và một gói chứa **199** (*một trăm chín chín*) viên. **(Ký hiệu C2).**

- 01 (một) gói nylon, bên trong chứa tinh thể màu trắng, kích thước khoảng (07 X 04) cm. **(Ký hiệu C3).**

- 01 (một) cân điện tử màu đen có dòng chữ POCKET SCALE.

- 70 (bảy mươi) bao nilon chưa qua sử dụng.

Lúc 14 giờ 40 ngày 27/12/2016, tiến hành bắt và khám xét khẩn cấp nơi ở của **Hồ Tô R**, tại: Tổ 55, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, thu giữ:

- 01 (một) gói ni lông màu đen, kích thước khoảng (60 X 50 X 20) cm, bên trong là cái chăn (mền), bên ngoài dán tờ giấy trắng (học trò), trên tờ giấy ghi các dòng chữ:

From: Nga. 09014555XX; To: Thành N 012237624XX; 183 Đường T – quận L - Đà Nẵng (Ra -Mền).

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu NOKIA màu đen, không gắn sim.

Quá trình điều tra xác định:

Thông qua các mối quan hệ xã hội một số bị cáo biết H, N, R, bán ma túy.

Riêng Nguyễn Thị Tường V là bạn gái của Nguyễn Thành N, cả hai sống chung như vợ chồng tại K52/14 đường P, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, N có kể cho V nghe về việc N bán ma túy.

Khoảng đầu tháng 10/2017, qua mạng xã hội Facebook, một số đối tượng nghiện ma túy đã liên hệ mua của Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thành N 50 viên ma túy loại thuốc lắc. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Thành N, Hồ Tô R còn khai nhận: Các bị cáo ý thức được “Cỏ” là ma túy, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2016 đã nhiều lần mua ma túy “cỏ” của những người không rõ lai lịch bán lại cho Hồ Đăng Kh, Trương Anh T và các đối tượng khác nhằm thu lợi bất chính. Riêng bị cáo H trong tháng 9/2016 bị cáo còn nhiều lần mua ma túy loại thuốc lắc của các đối tượng ở Đà Nẵng bán cho Hồ Đăng Kh 02 lần và bán cho nhiều đối tượng nghiện khác kiếm lời.

Thấy hình thức này rất đơn giản, an toàn (*không biết nhân thân, lai lịch của người mua và người bán*) nên H đã rủ Nguyễn Thành N tham gia mua bán ma túy thì N đồng ý. H là người trực tiếp liên hệ mua ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh còn N nhận ma túy về cất giấu. Nếu khách mua ma túy liên lạc trực tiếp với H thì H sẽ trao đổi về giá, số lượng, khách đưa tiền cho H và liên lạc với N để nhận ma túy, còn nếu khách liên hệ với N mua ma túy thì N tự bán, giá cả do N quyết định nhưng phải thanh toán lại cho H với giá 280.000đ/viên.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11/2016 đến 26/12/2016, H và N đã 03 lần mua ma túy ở Thành phố Hồ Chí Minh về bán lại cho: Hồ Tô R, Hồ Đăng Kh, Phan Nhật R2 và các đối tượng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) trên địa bàn thành phố cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 11/2016, H liên lạc với đối tượng bán ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh qua mạng xã hội đặt mua 400 viên ma túy lắc cùng 20 gam Katamine với giá 110.000.000 đồng. Sau đó, H đã chuyển số tiền trên vào thành phố Hồ Chí Minh (*qua nhà xe*) kèm thông tin người nhận ma túy là Nguyễn Thành N, số điện thoại: 01223762487. Đến khoảng ngày 11/11/2016, N nhận được gói bưu phẩm bên trong có 400 viên ma túy lắc, 20 gam Ketamin và 10 viên màu nâu (*cho thêm để dùng thử*). N mang số ma túy trên về nhà tại tổ 55, phường H cất giấu. Sau đó H điện thoại cho N yêu cầu N đưa H: 20 gam Ketamin và 100 viên ma túy thuốc lắc. N mang số ma túy trên đến đưa cho H, H đưa lại 20 gam Ketamin cho N cất giữ, còn 100 viên H đã sử dụng hết.

Ngày 11/11/2016, Hồ Tô R gọi điện cho H hỏi mua 50 viên ma túy thuốc lắc với giá 280.000đ/viên, H đồng ý và bảo R đến N lấy, N giao cho R 50 viên. Ngày 14/11/2016, R đã bán cho đối tượng tên Hưng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) 10 viên với giá 3.500.000đ. Ngày 17/11/2016, R đã bán cho đối tượng tên Tâm (*không rõ nhân thân, lai lịch*) 20 viên với giá 7.000.000đ. số còn lại R đã sử dụng

hết.

Số ma túy còn lại sau khi đưa cho H và R, N bán cho các đối tượng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 350.000/viên và sử dụng hết.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 12/2016, H liên lạc với đối tượng bán ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh qua mạng xã hội đặt mua 200 viên ma túy lắc với giá 46.600.000 đồng. Sau đó, H đã chuyển số tiền trên vào thành phố Hồ Chí Minh (*qua nhà xe*) kèm thông tin người nhận ma túy là Nguyễn Thành N, số điện thoại: 01223762487. Đến khoảng ngày 11/12/2016, N nhận được gói bưu phẩm bên trong có 200 viên ma túy lắc. N mang số ma túy trên về nhà tại tổ 55, phường H cắt giấu. Sau đó H đến nhà N lấy 20 viên ma túy lắc để sử dụng, số ma túy còn lại N đã bán cho các đối tượng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 350.000/viên và sử dụng hết.

Lần 3: Khoảng ngày 20/12/2016, H liên lạc với đối tượng bán ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh qua mạng xã hội đặt mua 500 viên ma túy lắc với giá 115.000.000đ. Sau đó, H bảo N chuyển 70.000.000 đồng, H chuyển 45.000.000 đồng vào thành phố Hồ Chí Minh (*qua nhà xe*) kèm theo thông tin người nhận ma túy là **Nguyễn Thành N**, số điện thoại: **01223762487**. Khoảng 10 giờ ngày 26/12/2016, bên phát Bưu phẩm điện thoại cho N, yêu cầu đến nhận Bưu phẩm. Do bận công chuyện nên N điện thoại nhờ **Hồ Tô R** đến đầu kiệt 183 Đường T nhận giúp gói Bưu phẩm, mang về nhà R kiểm tra lại có đủ 500 viên lắc không, R đồng ý nhận ma túy đem về nhà đếm. Khi R đang kiểm tra số ma túy thì N điện thoại yêu cầu R mang số ma túy đó qua nhà N cùng kiểm tra. N và R kiểm tra lại chỉ có 499 viên ma túy, trong đó có 100 viên màu xanh và 399 viên màu hồng. Sau khi kiểm tra xong N cắt số ma túy đó vào tủ áo quần, R bảo N đưa cho R một ít để R bán, N nói “*có gì mai tính*”

Sau đó thông qua mạng xã hội, N có nhắn tin cho **Nguyễn Thị Tường V** - là bạn gái của N biết về việc nhận số ma túy trên.

Đến khoảng 16 giờ ngày 26/11/2016, Việt (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) gặp H hỏi mua 40 viên ma túy với giá 11.200.000 đồng (*chưa thanh toán tiền*), H đồng ý và bảo Việt đến chỗ N lấy, N đã giao cho Việt 40 viên ma túy tại kiệt 183 Đường T, thành phố Đà Nẵng.

Đến 18 giờ ngày 26/11/2016, N điều khiển xe mô tô BKS: 76K3 - 7873 đến gặp Nguyễn Thị Tường V rồi chở V đi làm, N có mang theo: 06 (sáu) gói ma túy “Cỏ”, 10 (mười) viên nén màu tím, 48 (bốn mươi tám) viên nén màu hồng, 10 (mười) bao nilon chưa qua sử dụng, cất giấu trong người.

Đến khoảng 22h00 ngày 26/12/2016, N chở V về phòng trọ của V (K52/14 đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng), cùng lúc này **Phan Nhật R2** thông qua đối tượng tên **Luân** (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) biết N nên gọi điện cho

N hỏi mua 03 viên ma túy với giá 1.200.000đ, N đồng ý và hẹn đến K52 đường P, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc mua bán. Sau đó, R2 nhờ **Đỗ Vũ Lộc** chở R2 đến kiệt K52 đường P, thành phố Đà Nẵng có tỷ việc, thì Lộc đồng ý. Khi chở đến nơi thì R2 bảo Lộc đứng ngoài chờ còn R2 đi vào kiệt gặp N lấy 03 viên ma túy và đưa cho N 1.200.000đ. Khi Lộc chở R2 về vũ trường New P thì bị Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện thu giữ. **(Ký hiệu G).**

Sau khi bán ma túy cho R2, N đi bộ về lại phòng trọ của V và máng số ma túy giấu trong hũ còn lại để ra tắm nệm, V nhìn thấy nhuệ không hỏi gì. N đem số ma túy trên cất giấu trong túi quần treo trên tủ. V biết N cất giấu ma túy nhằm mục đích bán cho những người khác nhưng vẫn đồng ý. **(Ký hiệu B1, B2a, B2b).**

Đến khoảng 22 giờ 30 ngày 26/12/2016, **Trương Anh T** điện thoại cho **Hồ Tô R** hỏi mua 01 gói ma túy “cỏ” với giá 250.000đ và hẹn đến 566 đường Hoàng Diệu, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc mua bán. Do bận công chuyện nên R điện thoại cho N bảo N đi giao ma túy giúp. N điều khiển xe mô tô BKS: 76K3 – 78XX mang theo 02 gói ma túy cỏ đi giao cho T thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang. **(Ký hiệu A)**

Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Thành N, Hồ Tô R khai: Ngoài bán thuốc lắc lấy từ H thì N và R có mua ma túy “cỏ” của **Huỳnh Tấn Hiệp** (Trú: p. H, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng) với giá: 200.000 đồng/gói. Sau đó bán lại cho các đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá: 250.000đ/gói. Trong tháng 11/2016, R đã 02 lần bán ma túy “cỏ” cho **Trương Anh T**, mỗi lần 01 gói với giá 250.000 đồng.

Tại kết luận giám định số: 80/GĐ- MT, ngày 05/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Không tìm thấy ma túy loại cần sa thực vật trong mẫu A, B1 gửi giám định. Đề nghị chuyển Viện KHHS giám định bổ sung.

- Các viên nén trong mẫu ký hiệu **B2b, C1, C2, D** và **G** gửi giám định đều có chất ma túy, loại MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 22, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Các viên nén trong mẫu ký hiệu **B2a** gửi giám định đều có chất ma túy, loại Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Chất bột trong mẫu ký hiệu C3 gửi giám định đều có chất ma túy, loại Heroin và Ketamine. Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, số thứ tự 35, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và Nghị định 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính phủ.

Ghi chú: (Mẫu B2b và mẫu B2a thuộc mẫu B2 được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng tách ra khi giám định).

- Trọng lượng các mẫu gửi giám định như sau (Đơn vị trọng lượng (TL): gam)

Mẫu	A	BI	B2a	B2b	C1	C2	C3	D	G
TL	9,386	17,858	3,755	13,726	30,049	78,906	10,356	6,076	0,908

Tại Kết luận giám định số: 55/C54C (Đ4), ngày 21/02/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Không tìm thấy các chất ma túy thường gặp trong thành phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) bì giấy ký hiệu A gửi giám định; trọng lượng mẫu: 6,400 gam.

- Không tìm thấy các chất ma túy thường gặp trong thành phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) bì giấy ký hiệu BI gửi giám định; trọng lượng mẫu: 14,942 gam.

- Có tìm thấy chất AMB-FUBINACA trong thành phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 02 (hai) bì giấy ký hiệu A, BI gửi giám định.

AMB-FUBINACA là một loại cần sa tổng hợp (có tác dụng tương tự hoạt chất Delta- THC có trong cần sa), hiện không nằm trong danh mục chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành. (BL: 22A).

Tại Kết luận giám định bổ sung số: 423/C54C (Đ4), ngày 11/ 08/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) đựng trong 01 (một) gói ni lông, ký hiệu: **C3** gửi giám định có hàm lượng Ketamine là 6,91%; hàm lượng Heroin là 1,16%.

- 03 (ba) viên nén màu tím đựng trong 01 (một) gói ni lông, ký hiệu B2a gửi giám định không thể xác định được hàm lượng Heroin (do mẫu ở dạng vệt). Ngoài ra, không tìm thấy các chất ma túy thường gặp khác. (BL: 22B).

Tại Kết luận giám định số: 556/C54C (Đ4), ngày 17/08/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- 15 (mười lăm) viên nén màu hồng đựng trong Q1 (một) gói ni lông, ký hiệu **D** gửi giám định đều là ma túy loại Methamphetamine và MDMA. (BL: 22D).

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về các quyết định trưng cầu cũng như các kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thành N, Hồ Tô R**, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Căn cứ vào: Điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 194; Điểm a, g khoản 1 Điều 48; Điểm p, o, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999

Xử phạt: **Nguyễn Thành N** 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 27/12/2016

Phạt bổ sung Nguyễn Thành N số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

2. Căn cứ vào: Điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt: **Hồ Tô R** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 27/12/2016.

Phạt bổ sung bị cáo Hồ Tô R số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

3. Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thị Tường V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 27/12/2016.

Ngoài ra, Bản án Hình sự sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo không có kháng cáo là Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Tường V và Hồ Đăng Kh. Quyết định về phần xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/01/2018 bị cáo Nguyễn Thành N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/01/2018 bị cáo Hồ Tô R kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Tô R rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự, sửa bản án sơ thẩm đối với Nguyễn Thị Tường V theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và giảm án cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N đề nghị: Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo, bởi lẽ bị cáo N chỉ là đồng phạm cùng Nguyễn Ngọc H. Sau khi xử sơ thẩm, gia đình bị cáo nộp số tiền 10.000.000 đồng theo quyết định phạt bổ sung của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bản án số 02/2018/HSST ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Thị Tường V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành N thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thành N cùng Nguyễn Ngọc H mua bán 130,375 gam Methamphetamine, MDMA, Ketamine và 3,875 gam Heroin.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt Nguyễn Thành N là đúng đắn. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đầy đủ tính chất đặc biệt nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo, cân nhắc đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; Tuyên xử Nguyễn Thành N mức án 16 năm tù, là phù hợp tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo Nguyễn Thành N nộp số tiền 10.000.000 đồng để thi hành khoản phạt tiền cho bị cáo nhưng như phân tích trên mức án đối với bị cáo là không nặng nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của Nguyễn Thành N.

Đối với Nguyễn Thị Tường V: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử là không đúng. Nguyễn Thị Tường V đồng phạm mua bán số lượng ma túy dưới 20 gam (13,726 gam thể rắn + 3,755 gam Heroin) nên có đủ căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay.

Bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Thị Tường V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm h, khoản 3 Điều 194; điểm a, g khoản 1 Điều 48; điểm p, o, q khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Nguyễn Thành N 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2016.

* Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật tố tụng Hình

sự năm 1999;

Xử phạt: Nguyễn Thị Tường V 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2016.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hồ Tô R. Quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hồ Tô R có hiệu lực pháp luật.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Nguyễn Thành N phải nộp 200.000 đồng; Hồ Tô R không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Công an TP Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn